

Bản án số: 158/2024/HSPT
Ngày: 26 - 4 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Chí Công
ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 161/2024/TLPT-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Ngô Đức T; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 27/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Ngô Đức T; sinh ngày 04 tháng 02 năm 1983, tại Đà Nẵng;
Nơi cư trú: 3 đường D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: công chức; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Đức T1 và bà Nguyễn Thị Đ; bị cáo có vợ và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt giữ ngày 26-8-2022 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Nguyễn D, Luật sư Công ty L2 - thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; xin xét xử vắng mặt, bị cáo đồng ý xử vắng mặt luật sư và đề nghị vẫn tiến hành xét xử.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Đức T là Thẩm phán, công tác tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (Tòa Á). Ngày 12-5-2021, T được phân công giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*” do bà Nguyễn Thị Mai L đứng đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán siêu thị (ký ngày 07-12-2019) vô hiệu và buộc bị đơn ông Trần Quang H phải trả lại tiền bán siêu thị đã nhận 2.036.600.000 đồng cho bà L. Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự thì bị đơn đề nghị Tòa án xử bác đơn khởi kiện của bà L; ngoài ra, bị đơn còn có yêu cầu bà L thanh toán tiền mua siêu thị còn thiếu và bồi thường thiệt hại. Tham gia tố tụng trong vụ án này có bà Trần Minh H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H (bà H1 là mẹ đẻ của ông H).

Khoảng tháng 6-2021, bà Trần Minh H1 gặp Trương Huỳnh L1 tại Phòng tranh của bà H1 trong Tòa nhà A (quận S) để nhờ L1 liên hệ với Ngô Đức T giúp cho bà H1 thắng vụ kiện dân sự nói trên. Do L1 là bạn học thời phổ thông với T nên đã nhận lời giúp cho bà H1 và sau đó một thời gian thì L1 gọi điện thoại cho T trao đổi về nguyện vọng của bà H1 thì T nói để T xem.

Theo Trương Huỳnh L1 khai, ban đầu T có hỏi về mối quan hệ của L1 với bà H1, thì L1 nói bà H1 là chị của L1, giúp được gì thì giúp, bao nhiêu tiền thì cứ nói, nên T nói với L1 chi phí để bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là 200.000.000 đồng; thời gian sau thì T nói lại tăng lên 500.000.000 đồng, L1 sẽ nhận tiền từ bà H1 rồi giao lại cho T; L1 đều nói lại yêu cầu này của T với bà H1. Còn về phía Ngô Đức T thì khai, chỉ nói với L1 là đồng ý xử bác đơn cho bà H1, còn tiền thì T không đặt ra là bao nhiêu.

Đến khoảng cuối tháng 6-2022, khi bà H1 gửi bộ hồ sơ, gồm: Đơn phản tố yêu cầu bồi thường thiệt hại; Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; và Bản trình bày của bị đơn. Trong đó, nội dung phản tố thể hiện các yêu cầu bác đơn khởi kiện; buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai L và ông Nguyễn Mậu D1 trả đủ số tiền mua siêu thị; buộc bà L và ông D1 bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần, sức khỏe và vật chất 7.053.000.000 đồng; đề nghị chuyển điều tra bà L và ông D1 về tội “*Vu khống*” theo Điều 156 của Bộ luật Hình sự. Khi tiếp nhận văn bản này thì T gọi điện thoại trực tiếp cho bà H1 nói chỉ giải quyết được yêu cầu bác đơn khởi kiện, các yêu cầu còn lại phải giải quyết bằng vụ án khác; cùng trong cuộc điện thoại này thì bà H1 đã đặt vấn đề trực tiếp với T là nếu lấy lại được số tiền hơn 01 tỷ đồng mà bà L, ông D1 còn thiếu (tiền mua siêu thị chưa trả đủ) thì bà H1 sẽ gửi lại cho T 500.000.000 đồng, nhưng T không đồng ý đề nghị này của bà H1 do không thể giải quyết theo quy định của pháp luật về phản tố.

Ngày 18-8-2022, T gọi điện thoại nói cho L1 về thời gian sẽ xét xử vụ án, nên L1 điện thoại cho bà H1 nói đưa tiền đến vườn cây của L1 tại C đường H, thì bà H1 nói hiện chỉ có được 200.000.000 đồng, rồi hỏi L1 có giải quyết được yêu cầu phản tố không; sau khi L1 điện thoại hỏi lại T thì L1 nói với bà H1 là 500.000.000 đồng cũng chỉ giải quyết được bác đơn khởi kiện và hẹn bà H1 trưa ngày 19-8-2022 mang tiền đến vườn cây đưa cho L1; tuy nhiên, bà H1 không

đến. Sau đó, L1 điện thoại cho bà H1 nhưng bà không nghe máy nên L1 gọi nói T làm việc trực tiếp với bà H1. Đến sáng ngày 24-8-2022, bà H1 gọi điện thoại cho L1 hỏi L1 bây giờ đưa tiền cho T hay L1 và đưa ở đâu, vì bà H1 nói liên lạc với T thì T nói đưa cho T; rồi hỏi L1 500 triệu thì có đòi được khoản tiền một tỷ một không (yêu cầu phản tố đòi tiền mua siêu thị chưa trả đủ) thì L1 nói để L1 điện thoại hỏi lại T. Sau đó L1 gọi lại nói với bà H1 là làm việc gấp luôn với T, không cần qua L1 nữa.

Từ ngày 19-8-2022 đến ngày 25-8-2022, T gọi điện thoại nhiều lần cho bà H1 để bà đến Tòa hoàn tất thủ tục đưa vụ án ra xét xử. Về phần bà H1, một mặt trao đổi điện thoại với T thì nói mới gom được 200.000.000 đồng nên xin đến đưa trước, số còn lại hứa hẹn sẽ giao sau. Trong 02 ngày 24 và 25-8-2022 bà H1 đã ghi âm lại các cuộc liên lạc điện thoại giữa bà với T và L1.

Sáng ngày 25-8-2022, bà Trần Minh H1 đến Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Đà Nẵng tố cáo hành vi đòi hối lộ của Thẩm phán Ngô Đức Tài; rồi sau đó, khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, bà H1 đến phòng làm việc của T tại Tòa án Sơn Trà trao đổi và thống nhất với T là T giúp bà H1 xử bác đơn khởi kiện, rồi đưa cho T 01 phong bì bên trong có 5.000 Đô la Mỹ và nói còn 380 triệu đồng cuối giờ chiều hoặc mai sẽ đưa nốt thì T nói “Dạ”. Sau khi nhận phong bì 5.000 Đô la Mỹ thì T cất vào ngăn tủ trong phòng làm việc rồi đi xuống phòng xử án để xét xử vụ của bà H1; đến 20 giờ cùng ngày Cơ quan điều tra Viện kiểm sát khám xét khẩn cấp phòng làm việc của T thu giữ 5.000 Đô la Mỹ, là số tiền mà T nhận của bà H1.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ trong phòng làm việc của Ngô Đức T:
+ 5.000 Đô la Mỹ, trong đó gồm: 43 tờ tiền mệnh giá 100 Đô la Mỹ; 03 tờ tiền mệnh giá 50 Đô la Mỹ; 27 tờ tiền mệnh giá 20 Đô la Mỹ; 01 tờ tiền mệnh giá 10 Đô la Mỹ;
+ 06 tờ tiền mệnh giá 100 Đô la Mỹ; 02 tờ tiền mệnh giá 50 Đô la Mỹ; 01 tờ tiền mệnh giá 20 Đô la Mỹ; 01 tờ tiền mệnh giá 10 Đô la Mỹ; 09 tờ tiền mệnh giá 01 Đô la Mỹ; 04 tờ tiền mệnh giá 02 Đô la Mỹ; 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 Won (Tiền Hàn Quốc); 01 tờ tiền mệnh giá 100 Piso (Tiền P); 37.899.200 đồng (Tiền Việt Nam);

Kết luận giám định số 23/KL-KTHS ngày 12-4-2023 của Phân Viện khoa học hình sự - V - Bộ C: 5.700 Dollars (USD) gửi giám định, là tiền thật.

Tại Văn bản số 889/ĐAN-TTGSNH ngày 19-9-2022 của Ngân hàng N Chi nhánh thành phố Đ - Ngân hàng N, xác định: Theo thông tin công bố tại website Ngân hàng N, thông báo số 345/TB-NHNN, tỷ giá trung tâm của Đ1 so với Đô la Mỹ (USD) vào ngày 25-8-2022 như sau: 1 USD = 23.234 VND.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 27- 01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 354; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Ngô Đức T phạm tội “Nhận hối lộ”;

Xử phạt bị cáo Ngô Đức T 03 (ba) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 8 năm 2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 01-02-2024 bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; cùng với đơn kháng cáo là nhiều Xác nhận của các Đơn vị, Tổ chức xã hội xác nhận bị cáo T đã có nhiều đóng góp, cống hiến trong việc thiện nguyện, giúp đỡ trong các hoạt động xã hội ở nhiều nơi; đồng thời bổ sung các Giấy khen của Đoàn thanh niên trong hoạt động công tác phong trào.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo T giữ nguyên kháng cáo, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với hành vi của mình, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung kháng cáo: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T có nộp một số tài liệu chứng cứ là tình tiết giảm nhẹ mới, tuy nhiên mức hình phạt của án sơ thẩm là phù hợp, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Khoảng tháng 6-2021, bà Trần Minh H1 liên hệ với Trương Huỳnh L1 để nhờ Thẩm phán Ngô Đức T giúp cho bà Trần Minh H1 (là bị đơn trong vụ án) được thắng trong một vụ kiện dân sự tại Tòa án quận S, trong đó có cả yêu cầu phản tố của bà H1, để được nhận số tiền 500.000.000 đồng. Khi L1 nói lại với T thì T có nói với L1 sẽ xem xét bác đơn khởi kiện của nguyên đơn cho bà H1, còn yêu cầu phản tố của bà H1 đòi nguyên đơn trả số tiền 1.050.000.000 đồng thì T không nhận giúp.

Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, Bị cáo T nhận thông tin từ Trương Huỳnh L1 và sau này trực tiếp từ bà H1 là T sẽ được nhận tiền để giúp xử thắng kiện. Số tiền 500.000.000 đồng là để giải quyết 02 yêu cầu gồm xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H1, nhưng T chưa đồng ý nhận số tiền này để giúp giải quyết cả hai yêu cầu, chỉ đồng ý giải quyết 01 yêu cầu là bác đơn khởi kiện. Số tiền cụ thể để giải quyết 01 yêu

cầu bác đơn khởi kiện, ban đầu qua L1 là 200.000.000 đồng; sau khi L1 nói bà H1 làm việc trực tiếp với T luôn, thì giữa T và bà H1 đã nhiều lần liên lạc với nhau để nhận tiền, nhưng chưa xác định rõ số tiền cụ thể và T chưa biết sẽ được nhận bao nhiêu.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25-8-2022, bà H1 đến Tòa án S để tham dự phiên tòa; trước khi vào Phòng xử án thì bà H1 vào Phòng của Thẩm phán T để hỏi lại có giải quyết được yêu cầu phản tố cho Bà hay không thì T nói không được, chỉ giải quyết được yêu cầu bác đơn khởi kiện. Bà H1 đưa cho T 5.000 Đô la Mỹ, rồi bà H1 nói còn 380.000.000 đồng cuối giờ chiều hoặc mai sẽ đưa tiếp thì T cũng đồng ý. (Trước khi đưa tiền cho T thì bà H1 đã trình báo tố giác tội phạm)

Như vậy, đến thời điểm 13 giờ 30 phút ngày 25-8-2022 thì T và bà H1 mới thông nhất số tiền 5.000 Đô la Mỹ tương đương 116.170.000 đồng và sẽ được nhận sau là 380.000.000 đồng. Do đó, của hối lộ là tiền tổng số 496.170.000 đồng, nên hành vi của T thuộc trường hợp “*Của hối lộ là tiền từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự. Bản án hình sự sơ thẩm đã quyết định bị cáo Ngô Đức T phạm tội “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Đây là hành vi vi phạm của người có quyền hạn vì động cơ vụ lợi, xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức. Bản thân bị cáo có năng lực cá nhân và năng lực trách nhiệm hình sự, do đó cần phải quyết định mức hình phạt nghiêm minh nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khai nhận đầy đủ các hành vi đã thực hiện; tiền hối lộ đã được thu hồi đầy đủ. Ngoài ra, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt; bà Trần Minh H1 cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Ngô Đức T trong quá trình công tác đã được tặng Bằng khen vì đã lập nhiều thành tích trong công tác; được tặng Danh hiệu Chiến sĩ thi đua ngành; được tặng nhiều Giấy khen về công tác chuyên môn vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác. Vợ bị cáo T cũng được tặng nhiều Bằng khen, Danh hiệu Chiến sĩ thi đua vì đã lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc trong phong trào và công tác. Ngoài ra, Cha vợ của bị cáo là người được hưởng chính sách như thương binh với thương tật hạng 4/4, được thưởng Huy chương vì an ninh tổ quốc, Huy chương kháng chiến hạng nhì, Huy chương kháng chiến hạng nhất, nên đã được Bản án sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt phù hợp.

Bị cáo kháng cáo đồng thời cung cấp thêm nhiều Giấy xác nhận thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội, thiện nguyện tại nhiều Bệnh viện, Trung tâm y tế và phát quà cho những người neo đơn, chương trình cùng em đến

trường, tặng quà trẻ em vùng cao, do câu lạc bộ Hướng Dương X kết hợp Công ty tổ chức sự kiện VINLE và Chùa P tổ chức, có sự xác nhận của các đơn vị, tổ chức này; cung cấp các Xác nhận đã tích cực tham gia các hoạt động phong trào văn hóa, thể thao của Đoàn thanh niên và Công đoàn; được tặng nhiều Giấy khen vì có thành tích xuất sắc của Đoàn thanh niên Khối và Công đoàn viên chức thành phố Đà Nẵng. Do có tình tiết giảm nhẹ mới nên xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Các Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Về án phí: bị cáo Ngô Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ngô Đức T, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 27-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, về phần hình phạt đối với bị cáo Ngô Đức T.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 354; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Ngô Đức T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 8 năm 2022.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét; việc Thi hành án được thực hiện theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo T không phải chịu.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long